

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2885/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp  
phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp  
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện biến đổi khí hậu**

**SỞ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**ĐẾN** Số: 3656

Ngày: 13/12

Chuyên: *Chỉ đạo Thủy lợi*

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*CP*  
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng Đồng bằng sông Cửu Long";

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh trích yếu và khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 769/TTr-SNN ngày 22/11/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên

địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện biến đổi khí hậu với những nội dung chủ yếu sau:

## **I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện biến đổi khí hậu được dựa trên các quan điểm như sau:

### **1. Phát triển bền vững, đa mục tiêu và giảm nhẹ thiên tai**

a) Phát triển hệ thống thủy lợi phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch thủy lợi và phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh, nhằm chủ động trong việc cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất.

b) Khai thác lợi dụng tổng hợp, hợp lý thống nhất hệ thống công trình thủy lợi nhằm đảm bảo không chia cắt theo địa giới hành chính. Bảo đảm tính kế thừa, phục hồi, nâng cấp, cải tạo và mở rộng các công trình hiện có.

c) Kết hợp chặt chẽ với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông nông thôn trên toàn tỉnh.

d) Khai thác sử dụng phải đi đôi với bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, tái tạo các nguồn tài nguyên bằng biện pháp công trình và phi công trình theo hướng phát triển bền vững.

### **2. Góp phần xây dựng nông thôn mới**

a) Tăng cường xã hội hóa về đầu tư và quản lý, sử dụng hệ thống đê bao, bờ bao kết hợp đường giao thông; nâng cao trách nhiệm và quyền lợi của Nhân dân trong vùng, đảm bảo sử dụng các công trình hiệu quả và lâu dài.

b) Sử dụng khai thác đi đôi với việc bảo vệ tài sản, hoa màu của Nhân dân; góp phần cải thiện đời sống Nhân dân, thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong giai đoạn mới.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu**

Rà soát lại các quy hoạch về thủy lợi nhằm phục vụ phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả và đảm bảo nguồn nước, điều chỉnh, bổ sung các giải pháp công trình và phi công trình nhằm đáp ứng các mục tiêu chung đã đề ra của Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng Đồng bằng sông Cửu Long” đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp, thực trạng quản lý, sử dụng tài nguyên nước và khó khăn trong điều tiết nguồn nước nội vùng trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây.

b) Kiến nghị phân vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ phát triển bền vững theo hướng tái cơ cấu nền nông nghiệp trong bối cảnh nguồn tài nguyên nước ngày càng khan hiếm.

### III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

#### 1. Phạm vi lập Đề án

- Đối tượng lập Đề án: Hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
- Phạm vi lập Đề án: Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
- Giai đoạn lập Đề án: Đến năm 2030.

#### 2. Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi

a) Phát triển hạ tầng thủy lợi phải đảm bảo các yêu cầu về phát triển bền vững, đa mục tiêu, giảm nhẹ thiên tai và xây dựng nông thôn mới, đề xuất cụ thể như sau:

- Hồ chứa nước dọc sông Láng Thé nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cho các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (gồm: Hạng mục kè bảo vệ bờ 2 bờ sông và xây dựng hệ thống cống điều tiết tại các vị trí, như: Cầu Ô Chát, cầu Si Bích, cầu Suối và ngã 3 sông Càng Long) với tổng chiều dài là 7km (Từ cầu Ba Si đến cầu Ba Trường) kết hợp với xây dựng 02 cầu giao thông ( $B = 7,5m$ ,  $L = 80m$ ) tại vị trí rạch lớn để kết nối trực giao thông 2 bên tuyến kè.

- Xây dựng cống trên kênh Trà Ngoa (giáp ranh với tỉnh Vĩnh Long)  $B = 20$ ,  $Z_d = -3,0m$  kết hợp trạm bơm công suất  $10m^3/s$ .

- Xây dựng cống Cây Chôm 1, cống Cây Chôm 2 (xã Phong Phú, huyện Cầu Kè) với khẩu độ  $B = 4,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$ .

- Xây dựng các cống, gồm: Bà Trâm, Bảy Tắt (xã Hưng Mỹ) và cống Đầu Đất, cống Trà Cuôn 2 (xã Phước Hảo) thuộc huyện Châu Thành với khẩu độ  $B = 5,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$ .

- Xây dựng các cống, gồm: Cầu Ván, Hậu Bôi, Xẻo Su (xã Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang) với khẩu độ  $B = 6,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$ .

- Xây dựng các cống tại các rạch lớn ven sông Hậu thuộc huyện Trà Cú, gồm: Cống Trà Cú 2 (rạch Trà Cú, xã Lưu Nghiệp Anh) với  $B = 20,0m$ ,  $Z_d = -3,0m$ , cống Tổng Long (rạch Tổng Long, xã Kim Sơn) với  $B = 30,0m$ ,  $Z_d = -3,0m$  và cống Rạch Cá (rạch Cá, xã Định An) với  $B = 20,0m$ ,  $Z_d = -3,0m$ .

- Xây dựng các cống tại các kênh cấp II ven kênh Thống Nhất thuộc huyện Cầu Ngang, gồm: Cống N1 (xã Hiệp Hòa) với  $B = 6,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$ , cống kênh Ranh (xã Kim Hòa) với  $B = 4,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$  và cống Nhị Trường (xã Hiệp Hòa) với  $B = 6,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$ .

- Xây dựng các cống tại các kênh cấp II ven kênh 3/2 thuộc huyện Trà Cú với  $B = 6,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$ , gồm: Cống kênh Vàm Buôn, cống Ba Trạch (xã Tân Hiệp) và cống Long Hiệp (xã Long Hiệp).

- Xây dựng 05 công tại kênh cấp II thuộc huyện Càng Long với  $B = 5,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$  thuộc xã Huyền Hội, gồm: Công Hai Ánh (đầu kênh Huyền Hội 4), công Huyền Hội 7 (đầu kênh Huyền Hội 7), công Huyền Hội 10 (đầu kênh Huyền Hội 10) và các công thuộc xã Phương Thạnh, gồm: Công Khương Hòa (đầu kênh Khương Hòa), công Ba Xã (đầu kênh Ba Xã).

- Xây dựng các công điều tiết tại các cù lao trên sông Hậu thuộc huyện Cầu Kè, gồm: Công Tám Mít, công Tám Trước (cù lao Tân Quy, xã Hòa Tân) với  $B = 3,5m$ ,  $Z_d = -2,5m$  và công Khai Long (cù lao An Lộc, xã Hòa Tân) với  $B = 5,0m$ ,  $Z_d = -2,5m$ .

- Xây dựng công bọng (F150) tại cù lao An Lộc, xã Hòa Tân thuộc huyện Cầu Kè.

- Nạo vét các tuyến kênh trên địa bàn huyện Cầu Kè nhằm tăng khả năng lấy và trữ nước phục vụ sản xuất bao gồm kênh Xáng ( $L = 12km$ ) và kênh Mỹ Văn ( $L = 7km$ ) với  $B_d = 15m$  và  $Z_d = -2,5m$ .

- Hoàn thiện các tuyến đê bao kết hợp đường giao thông với chiều rộng mặt đê  $B = 4,0m$ , bao gồm:

+ Đê Nam rạch Trà Cú (Thị trấn Trà Cú) với  $L = 6,70km$ .

+ Đê Bắc rạch Trà Cú (Thị trấn Trà Cú) với  $L = 2,45km$ .

+ Đê Vàm Rai (Đoạn 1 và Đoạn 3) thuộc xã Hàm Tân (huyện Trà Cú) với chiều dài mỗi đoạn là  $3,20km$  và  $2,58km$ .

+ Đê Vàm Rai (Đoạn 2) thuộc xã Đại An (huyện Trà Cú) với  $L = 3,94km$ .

+ Xây dựng tuyến đê ven rạch Cồn Tàu (xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải) với chiều dài  $L = 7,13km$  (bờ phải) và  $7,07km$  (bờ trái).

+ Hoàn thiện tuyến đê ven rạch Ngãi Hòa (xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành), bao gồm: Đoạn 1 ( $L = 1,66km$ ) và Đoạn 2 ( $L = 5,36km$ ).

+ Xây dựng tuyến đê bao ven sông Bông Bót (2 bờ) thuộc xã An Phú Tân và xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè với tổng chiều dài  $30km$ .

+ Xây dựng tuyến đê bao ven sông Tân Dinh thuộc xã An Phú Tân và xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè với  $L = 10km$ .

+ Đầu tư hoàn thiện tuyến kè rạch Trà Cú nhằm bảo vệ thị trấn Trà Cú với chiều dài tuyến kè là  $4,0km$ .

b) Phân vùng sản xuất trên địa bàn phù hợp với điều kiện sản xuất và các tiểu vùng sinh thái của tỉnh.

### 3. Tổng mức đầu tư và phân kỳ đầu tư

a) Tổng mức đầu tư: 4.352,344 tỷ đồng (Bốn ngàn ba trăm năm mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 3.046,640 tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương: 783,422 tỷ đồng.
- Nguồn vốn khác: 522,282 tỷ đồng.

b) Công trình ưu tiên và phân kỳ đầu tư:

- Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng phải đảm bảo các nguyên tắc: Các dự án đã lập dự án đầu tư và đã được phê duyệt; không phải đền bù, giải phóng mặt bằng hoặc có kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng thấp; có tỷ lệ vốn đối ứng của Nhân dân trong vùng hưởng lợi cao...

- Giai đoạn đến năm 2025 gồm 16 công trình với tổng mức đầu tư là 1.519,064 tỷ đồng. Trong đó vốn ngân sách Trung ương là 1.063,345 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 273,432 tỷ đồng và vốn khác (vốn vay, xã hội hóa và các chương trình phát triển) là 182,287 tỷ đồng.

- Giai đoạn sau năm 2025 gồm 39 công trình với tổng mức đầu tư là 2.833,280 tỷ đồng. Trong đó vốn ngân sách trung ương là 1.983,295 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 509,990 tỷ đồng và vốn khác là 339,995 tỷ đồng.

#### IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

*DVT: Triệu đồng*

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Đến 2025	Đến 2030
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.352.344</b>	<b>1.519.064</b>	<b>2.833.280</b>
<b>A</b>	<b>Đê, kè và nạo vét kênh</b>			
1	Đê bao ven sông Tân Dinh	11.067	11.067	-
2	Đê bao kênh Bông Bót	33.202	33.202	-
3	Đê bao Tân Hòa	5.644	5.644	-
4	Kè bảo vệ thị trấn Trà Cú	4.427	4.427	-
5	Nạo vét kênh Xáng	13.281	13.281	-
6	Nạo vét kênh Mỹ Văn	7.747	7.747	-
7	Đê bắc Rạch Trà Cú - Đoạn 2	2.712	-	2.712
8	Đê Nam rạch Trà Cú - Đoạn 2	7.415	-	7.415
9	Đê Vàm Rai - Đoạn 1	3.542	-	3.542
10	Đê Vàm Rai - Đoạn 2	4.361	-	4.361
11	Đê Vàm Rai - Đoạn 3	2.855	-	2.855
12	Đê Vàm Buôn - Trà Cú	6.297	-	6.297
13	Đê Cồn Tàu - Bờ phải	7.891	-	7.891
14	Đê Cồn Tàu - Bờ trái	7.825	-	7.825
15	Đê Ngãi Hòa - Đoạn 1	1.837	-	1.837
16	Đê Ngãi Hòa - Đoạn 2	5.932	-	5.932
<b>B</b>	<b>Cống</b>			-
1	Cống Trà Ngoa và trạm bơm	59.337	59.337	-
2	Cống N1	12.912	12.912	-
3	Cống Kênh Ranh	8.608	8.608	-
4	Cống Nhị Trường	12.912	12.912	-
5	Cống kênh Vàm Buôn	12.912	12.912	-

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Đến 2025	Đến 2030
6	Công Ba Trạch	12.912	12.912	-
7	Công Long Hiệp	12.912	12.912	-
8	Công Cây Chôm 1	8.608	-	8.608
9	Công Cây Chôm 2	8.608	-	8.608
10	Công Bà Trân	10.760	-	10.760
11	Công Bày Tắt	10.760	-	10.760
12	Công Đầu Đất	10.760	-	10.760
13	Công Trà Cuôn 2	10.760	-	10.760
14	Công Cầu Ván	12.912	-	12.912
15	Công Hậu Bồi	12.912	-	12.912
16	Công Xẻo Su	12.912	-	12.912
17	Công Trà Cú 2	43.040	-	43.040
18	Công Tổng Long	64.560	-	64.560
19	Công Rạch Cá	43.040	-	43.040
20	Công Tám Mịt	7.532	-	7.532
21	Công Tám Trước	7.532	-	7.532
22	Công hồ Khai Long	10.760	-	10.760
23	Công bọng Khai Long	3.228	-	3.228
24	Công Huyện Hội 10	10.760	-	10.760
25	Công Huyện Hội 7	10.760	-	10.760
26	Công Hai Ánh	10.760	-	10.760
27	Công Ba Xã	10.760	-	10.760
28	Công Khương Hòa	10.760	-	10.760
<b>C</b>	<b>Hạ tầng HTTL phục vụ Thủy sản</b>			
1	Hạ tầng nuôi thủy sản huyện Cầu Ngang khu II (xã Mỹ Long Nam, Mỹ Long Bắc, Mỹ Hòa và xã Hiệp Mỹ Đông)	61.730	61.730	-
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Vinh Kim và Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang	34.540	34.540	-
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp cánh đồng Tây (xã Mỹ Long Nam và xã Hiệp Mỹ Đông huyện Cầu Ngang)	70.150	-	70.150
4	Hệ thống hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản cánh đồng Trà Côn (xã Hiệp Mỹ Tây, Long Sơn và xã Thạnh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang)	66.520	-	66.520
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng bổ sung phục vụ nuôi thủy sản cánh đồng Đon (huyện Cầu Ngang và thị xã Duyên Hải), tỉnh Trà Vinh	131.150		131.150

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Đến 2025	Đến 2030
6	Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản các xã Đông Hải, Long Vĩnh, Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải và xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải	157.730		157.730
7	Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Long Hữu, Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải	113.000		113.000
8	Hệ thống hạ tầng phục vụ chuyên đôi lúa kết hợp với tôm (xã Phước Hào và xã Hưng Mỹ) huyện Châu Thành	26.500		26.500
9	Hệ thống hạ tầng phục vụ chuyên đôi lúa kết hợp với tôm phía Nam huyện Trà Cú (các xã Định An, Kim Sơn, Đại An, Lưu Nghiệp Anh)	100.000		100.000
<b>D</b>	<b>Hồ chứa nước dọc sông Láng Thè</b>	-		-
1	Giai đoạn 1	1.214.921	1.214.921	-
2	Giai đoạn 2	1.785.079		1.785.079

## V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

### 1. Giải pháp về vốn đầu tư

a) Để thực hiện hiệu quả của Đề án, cần xây dựng các chính sách về vốn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 và Quyết định số Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Huy động nhiều nguồn vốn, gồm: Vốn ngân sách, các chương trình mục tiêu, các nguồn vốn thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế, chính sách ưu đãi của Chính phủ đối với tỉnh.

c) Ngoài việc khai thác tối đa nguồn vốn từ ngân sách, cần khai thác các nguồn vốn hỗ trợ khác thông qua các chương trình như: Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu, dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long,...

### 2. Giải pháp về chính sách

a) Khi Đề án được phê duyệt, công bố, công khai đến các địa phương, các ngành, các tổ chức có liên quan đặc biệt là để Nhân dân được biết và thực hiện.

b) Cần có các chính sách ưu đãi về đầu tư để tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư vào dự án.

c) Triển khai thực hiện Đề án phải gắn với đầu tư, trước hết là chọn đầu tư các dự án ưu tiên để đạt hiệu quả để ra và giảm thiểu tác động tiêu cực. Đầu tư phải đồng bộ, toàn diện, dứt điểm nhằm phát huy nhanh hiệu quả đầu tư.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung Đề án sau khi được phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân, doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh dễ dàng tiếp cận nghiên cứu, khai thác.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo thứ tự ưu tiên đầu tư.

c) Theo dõi, giám sát, kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Đề án khi không còn phù hợp.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính**

Chủ động phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan xác định nhu cầu nguồn vốn, hàng năm bố trí kế hoạch và cân đối vốn đầu tư theo phân cấp để thực hiện Đề án trên địa bàn theo quy định, bảo đảm đạt hiệu quả tốt nhất.

### **3. Sở Khoa học và Công nghệ**

Xây dựng cơ sở khoa học trong việc đánh giá nguồn nước, các mô hình ứng dụng thủy lợi hiệu quả, tưới tiết kiệm nước,... nhằm phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp.

### **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đúng theo quy định pháp luật về đất đai.

b) Hướng dẫn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và kiểm tra việc thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Đề án.

### **5. Sở Giao thông vận tải**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc cập nhật, bổ sung các dự án đã hoàn thành để xây dựng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh tránh trường hợp đầu tư trùng lặp thiếu hiệu quả, gây lãng phí nguồn ngân sách nhà nước.

### **4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Chủ trì phối hợp với chủ đầu tư trong việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án thành phần.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Khoa học và



Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước TV;
- Báo TV, Đài PT&TH TV;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- \*- Lưu: VT, NN. 43

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**